

BÓI KIỀU, ĐỐ KIỀU VÀ KHÁM PHÁ TRUYỆN KIỀU

◆ PGS.TS. NGUYỄN TRƯỜNG LỊCH

Chuyện rằng trong dân gian Nghệ Tĩnh từ cuối thế kỷ XIX, sau các lũy tre làng vào những đêm trăng thường diễn ra nhiều cuộc hát ví giặm, hát đố của các thanh niên nam nữ giữa hai làng, và có khi là giữa hai huyện cách nhau một con sông nhỏ hoặc cách nhau mấy quả đồi nhấp nhô của dãy núi Thiên Nhân phân đôi hai tỉnh. Tiếng ca hát vui buồn là biểu hiện khát vọng sống chính đáng của nhân dân, nhất là phụ nữ, mà ngày nay được xem như một phương diện của nam nữ bình quyền. Thời bấy giờ, *Truyện Kiều* thường được đông đảo bà con đem ra hát bởi câu chuyện nói lên được niềm vui, nỗi buồn của nhiều người “xem thơ dường thấy có mình ở trong”, dù đang bị kìm hãm giữa vòng tăm tối của chế độ phong kiến thực dân, cả về vật chất lẫn tinh thần. Chẳng thế mà có bà cụ trên quê hương tác giả từng đồng cảm thốt lên hết sức tự nhiên: “Nước Nam ta đẹp nhất là con Kiều, mà khổ nhất cũng là con Kiều!”. Bài viết này chỉ muốn giới thiệu sức sống đời thường qua những câu hát ví dân gian và những giai thoại gắn bó mật thiết với truyện thơ này qua lời kể của lớp người đã khuất cùng những người đang mê đọc *Truyện Kiều* ở thời hiện đại.

Trước Cách mạng tháng Tám, ở những buổi hát hò của nam nữ thanh niên nông thôn, khúc dạo đầu được cất lên thường là những lời chào hỏi, giới thiệu. Thế rồi phe

bên nữ cất lên lời thách đố đậm nét thơ ca. Một cô gái có giọng cao lãnh lót bông ca lên:

“*Truyện Kiều* anh thuộc lâu lâu,
Đố anh kể được hai câu hết liền?”.

Câu đố quá khó, vượt ra ngoài tầm hiểu biết của đông đảo trai làng? Thực ra mỗi phe đều có một vài sinh đồ trẻ khá lanh lợi và khá thâm nho “ngồi gà” phía sau; nếu không kịp thời đáp lại là thua cuộc, đành chịu bẽ mặt trước phái nữ. Sau mấy phút bàn tán xì xào, phe con trai bèn cử người cất tiếng đáp lại rõ ràng:

“Trăm năm trong cõi người ta,
Mua vui cũng được một vài trống canh”.

Tiếng vỗ tay chúc mừng chưa dứt, câu hỏi khác tiếp tục đổ dồn khó hơn:

“*Truyện Kiều* anh thuộc lâu lâu,
Đố anh biết được câu nào toàn Nôm”.

Ồi trời ơi! Khó quá! Làm sao trả lời? Có đến 3264 câu, ai mà thuộc được? Thật ra trong *Truyện Kiều* có khá nhiều câu lục bát được viết bằng toàn chữ Nôm, song khó lòng phân biệt ca dao hay là thơ *Kiều*:

“Sè sè nắm đất bên đàng,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh”.

“Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau”.

“Vâng trăng ai sẽ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường”.

“Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi”.

“Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen”.

“Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu”.

Không dễ gì tìm được câu “Nôm nhất”, bỗng một chàng trai nhanh trí nhớ ra có năm người mừng rỡ đón nàng Kiều trở về, vội trả lời câu đố:

“Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu”.

Hai câu thơ chan chứa tình cảm ấm áp, sinh động, đậm chất hiện thực của cảnh gia đình đoàn tụ sau 15 năm trông đợi. Mặt khác, nhìn từ góc độ tu từ cũng như kết cấu hình tượng, âm vận, nhịp điệu thì đây là phép điệp từ dồn nén theo lối kể chuyện, vừa thể hiện được tâm lý các nhân vật, làm nổi bật niềm mừng vui dồn dập của mọi người, vừa thân thương giản dị đến mức bàng hoàng trong buổi gặp gỡ hiếm thấy:

“Nghe tin nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nửa chẳng”?

Ngòi bút nhà thơ phản ánh rõ nét nỗi niềm xúc động của những người trong cuộc:

“Nghe tin ngỡ ngác rụng rời,

Xúm quanh kể nọ, rộn lời hỏi tra”.

Quả vậy, có ai ngờ được vãi Giác Duyên lại đột ngột đưa tin cho hay nàng Kiều còn sống ở “Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa”. Cách nói liệt kê rõ ràng, chẳng chút màu mè, rằng cả nhà đông đủ vừa tui vừa nhón nhác nghe tin nàng Thúy Kiều xuất

hiện chứ không phải đã chết! Thế là sau bao năm lưu lạc, mọi người tưởng nàng đã khuất xa, cứ tưởng không bao giờ gặp lại, ngờ đâu, cả nhà hớn hờ ra đón người con gái “hồi sinh”! Ôi, sau 15 năm xa cách, giờ đây bỗng đâu quay quần đông đủ. Cảnh tượng thật cảm động! Nét sáng tạo quý giá nhất là ở chỗ nhà thơ đã đưa tiếng mẹ đẻ vào văn chương thành văn hết sức đậm nét qua cách kể chuyện dân gian, góp phần làm giàu ngôn ngữ thi ca tiếng Việt vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, mặc cho hiện nay, vào đầu thế kỷ XXI, vẫn còn biết bao người cúng cơm trước bàn thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã khuất vẫn cứ ê a khấn theo tiếng Hán-Việt!

Ngày nay đọc *Truyện Kiều*, các bạn trẻ cần nhận biết là nhà thơ xuất thân từ gia đình quý tộc dòng dõi Nho gia uyên thâm chữ Hán, nếu Tố Như thời trẻ không gắn bó hòa mình vào cuộc sống dân dã thì khó lòng nắm bắt tiếng nói bình dân đạt mức kỳ diệu đến thế!

Còn trong hát ví thì giống kiểu thi hát vui ngày nay, phe nữ muốn thử thách các chàng trai, vẫn cứ tiếp tục thách đố:

“*Truyện Kiều* anh thuộc lâu lâu,

Đố anh biết được câu nào toàn chữ nho?”

Khó vô cùng! Sao mà “ác” thế? Làm sao trả lời được! Bọn con trai ngỡ ngác gần như chịu đầu hàng. Nào ngờ một chàng trai khá bảnh bao reo lên vội vàng cất cao tiếng hát:

“Hồ công (Hồ Tôn Hiến) quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ tập công”.

Nếu ai đó chăm chú mở *Truyện Kiều* tìm đọc từng câu, từng chữ thì cũng không dễ

gì tìm ra câu nào toàn chữ nho hơn thế! Và chuyện thách đố giữa lớp trẻ vẫn cứ ào ào tuôn chảy, tạo nên mối quan hệ khăng khít, khăng định sức sống trường tồn của truyện thơ trong lòng mọi người.

Thật vậy, quê tôi trước Cách mạng tháng Tám có không ít bà mẹ chưa hề biết chữ mà vẫn ngày ngày ru con cháu ngủ võng đu đưa bằng “truyện Cô Kiều”. Đúng là chuyện lạ trong thế giới văn chương nhưng lại là hiện tượng có thật. Sức hấp dẫn dồi dào của truyện được hòa nhập một cách tự nhiên vào ngôn ngữ truyền miệng, tạo nên một vùng văn hóa độc đáo xứ Nghệ, xuyên qua các lũy tre làng, mãi mãi bền chặt. Phải chăng có nét gặp gỡ tương đồng với nhịp điệu quan họ của các “liền anh, liền chị” đất Bắc Ninh mà chính Tổ chức Văn hóa, giáo dục, khoa học thế giới (UNESCO) từng tôn vinh *Truyện Kiều*?

Hơn nữa, bàn tới *Truyện Kiều* không thể không nói đến câu chuyện bói *Kiều* song song với đố *Kiều*. Chẳng biết tự bao giờ bói *Kiều* đã trở thành tập quán thấm sâu vào đời sống thường ngày của nhân dân, không chỉ tại đất Lam Hồng mà còn khá phổ biến ở nhiều miền đất gần xa. Đã từ lâu, vào năm 1898, trong bài Tựa viết cho bản *Kiều Oánh Mậu* (in năm 1902), Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ đã nêu lên câu hỏi tha thiết: “Ôi, sao mà lại có văn hay làm say người đến thế! Còn một điều lấy làm lạ nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần!”.

Truyện Kiều được phổ biến truyền khẩu vừa rộng vừa sâu, gần đạt đến mức truyền kỳ trong dân gian. Ở xứ Nghệ, trước năm

1945, các gia đình khá giả, có trình độ văn hóa đều có cuốn thơ đặt ở án thư (yên thư – giá sách) trước bàn thờ chính gian giữa. Ai muốn bói *Kiều* phải gấp cuốn sách lại, rồi lẩm nhẩm đọc lời khấn. Nếu không biết chữ, có thể nhờ người bói hộ. Trước hết phải đọc câu khấn: “Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúc Kiều. Hôm nay là ngày...tháng...năm... Con tên là... xin bói một quẻ về đường tình duyên, tài lộc, con cái... Con xin bốn câu, trang bên trái (hoặc bên phải), dòng thứ...”. Bói xong rồi, có thể có vài người ngồi cạnh cùng giải thơ *Kiều*, đoán xem mức độ đáp án linh ứng ra sao? Cách bói *Kiều* này chính tôi đã được biết từ lúc còn nhỏ bám theo các dì, các cô, vui chơi với các bạn cùng trang lứa vào những chiều hè, những đêm trăng sáng đẹp và những ngày hội hè đầu xuân trong làng. Tôi nhớ không quên những tháng năm trước Cách mạng tháng Tám, tôi và anh cả đang học Tiểu học từng được nghe cha tôi kể rai rác *Truyện Kiều* trong đêm khuya vắng lặng chốn quê. Hình ảnh đậm nét “Thúc Kiều tài sắc ai bì/ Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ” cùng Từ Hải hiên ngang: “Triều đình riêng một góc trời/ Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà”. Và cũng không sao quên được cảnh Thúc Kiều ngồi ghé quan tòa xét xử Hoạn Thư và chàng Thúc Sinh cùng bè lũ Khuyển Ưng, Khuyển Phệ...

Không chỉ dừng lại ở ngưỡng dân gian bói *Kiều*, chúng ta có thể biết thêm là Giáo sư Hoàng Xuân Hãn vừa là nhà toán học nổi tiếng vừa là nhà nghiên cứu thơ văn uyên bác, vốn cùng quê với cụ Tố Như, cũng từng tham gia đố *Kiều* (Tôi sưu tầm tài liệu xưa này để các bạn trẻ ngày nay

đọc cho vui, vì rất khó tìm). Giáo sư Hoàng Xuân Hãn vừa nêu câu đố vừa dùng thuật toán thiên văn giải mã câu đố Thúc Sinh đang ở Lâm Tri cùng chàng Thúc Sinh thì bỗng dưng đang đêm bị bắt cóc. Hỏi đó là vào ngày, giờ nào mà chưa có lời giải đáp. Bài báo viết:

“Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vầng (vành) trăng khuyết ba sao
giữa trời,
Nén hương đến trước Phật đài,
Nổi lòng khẩn chứa cạn lời vân vân
Dưới hoa dật lữ ác nhân,
Ầm ầm khốc quỷ kinh thần mọc ra.
Đầy sân gươm tuốt sáng lòà,
Thất kinh nàng chưa biết là làm sao?
Thuốc mê đâu đã tưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì!”.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn viết tiếp: “Đó là hai câu thơ tuyệt diệu của cụ Nguyễn Du tả cái đêm chông vắng, cô Kiều ra trước Phật đài rồi bị côn quan “bắt cóc”... Tôi nay mạn phép cụ Tiên Điền mà đặt thành một câu đố trình thám rằng: Cô Kiều bị bắt chừng vào ngày, tháng, giờ nào? Cửa sổ phòng cô Kiều quay về hướng nào? Xưa nay các văn sĩ nào tập *Kiều*, nào lấy *Kiều*, nào bói *Kiều*, ai ai cũng đều xâu xé “khúc đoạn trường” của cụ, mà cụ vẫn “Cho rằng những đấng tài hoa/ Có dong kẻ dưới mới là lượng trên”. Huống chi nay, bài đố *Kiều* chỉ là một kẻ ngông để nhà khoa học kỷ niệm ngày giỗ cụ.

Muốn trả lời những câu hỏi trên này, ta phải biết luật chuyển mặt trời, mặt trăng và “hiều lẽ tại sao lại có trăng tròn, trăng khuyết”.

Lời đoán: Ta hãy đọc lại câu văn trên. Ta thấy có bốn điều nên để ý: “nửa vầng trăng khuyết” là một; “ba sao giữa trời” là hai; “đêm thu” là ba; “gió lọt song đào” là bốn.

1) “Nửa vầng trăng khuyết”: Ngày này là chưa đến mồng 7 hay là quá? Cô Kiều lúc bấy giờ còn ra Phật đài khẩn vái thì trăng này là trăng đầu hôm. Vậy hôm ấy chưa đến mồng 7. Mặt trăng khuyết, chắc là khuyết cũng khá nhiều thì mới để ý đến sự khuyết đó. Mà cũng không phải trăng mới có, vì về tuần ấy thì lúc sao đã rõ, trăng đã thấp lắm rồi. Vậy trăng này là trăng ở trung độ hai tuần trên. Vậy ngày cô Kiều bị bắt là ngày mồng bốn.

2) “Ba sao giữa trời”: Ba sao nào? Trên trời thiếu gì sao mà lại bảo là ba sao. Ba sao này phải thành một chùm đẹp. Và lại, câu thơ ấy tỏ ra rằng ba sao ấy đứng gần trăng, vì như thế mới thành ra một cảnh nên thơ. Vậy chùm ba sao này phải trong vùng Hoàng đạo và Bạch đạo. Trong vùng này thì chỉ có sao Tâm gồm ba sao đẹp. Sao Tâm là sao ở chỗ đuôi Con Vịt nổi đầu và mình Con Vịt (sao Vĩ) và bốn sao Đuôi nằm ngang trên (sao Phòng). Lại còn ba lẽ nữa để ta đoán là sao Tâm: một là Thúc Sinh chính tên là Tâm; hai là “nửa vành trăng khuyết” với ba ngôi sao nằm trên thành hình chữ Tâm. Có lẽ cụ Nguyễn Du dụng ý lấy hình trăng sao, lấy tên sao mà ám chỉ cảnh tình Kiều khi Kỳ Tâm đi vắng; ba là vì chữ “đêm thu”.

3) Nếu ngày mồng 4 mà trăng ở sao Tâm thì mặt trời cách đó chừng 45 độ về phương Tây. Vậy vào sao Giốc. Dem bản đồ ra mà xem thì ngày ấy là ngày 15 tháng

Mười dương lịch. Bấy giờ là tháng Chín ta. Xem như vậy thì cô Kiều bị bắt vào ngày 4 tháng Chín ta (hay vào khoảng 15 tháng Mười dương lịch). Chính là mùa Thu. Cụ Nguyễn Du dùng chữ “đêm thu” rất đúng. Ngày mồng 4, mặt trời cách mặt trăng 15 độ, nghĩa là một góc tư của nửa vòng. Vậy mặt trời xuống trước mặt trăng một giờ, tức là 3 tiếng đồng hồ. Mặt trời lặn lúc 6 giờ thì mặt trăng lặn lúc 9 giờ. Lúc tả cảnh thì chắc là trăng sao đã rõ rồi và trăng cũng chưa xế quá. Ta lấy trung bình 6 và 9 mà tính thì cô Kiều bị bắt chừng lúc 7 giờ rưỡi - 8 giờ, nghĩa là vào giờ Tuất. Thực rõ cô Kiều vô duyên với giờ. Tuất quá! Lúc mới về nhà Tú Bà cũng đã bị Sở Khanh lừa đem đi trong giờ ấy: “Ngày hai mươi mốt, Tuất thì phải chăng?”. Hôm Sở Khanh đem đi cũng ở vào mùa thu, vì “Sang thu đã khép cánh ngoài/ Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đanh”. Nhưng có khác với ngày bị bắt cóc bấy giờ, vì ngày hai mươi mốt chính là lúc giờ Tuất trăng chưa lên. Như thế sự trốn lại càng dễ. Nửa đêm hôn ấy mới có trăng. Thế lại là dễ trốn. Nói tóm lại cô Kiều bị bắt ngày 4 tháng Chín, trong giờ Tuất. Ba sao giữa trời là sao Tâm. Vì biết mặt trăng ở cạnh sao Tâm, ta còn có thể đoán năm nào trong đời Minh Gia Tĩnh mà cô xảy ra việc ấy. “Đêm thu” tỏ ra rằng lúc Kiều bị bắt là về mùa thu như đã nói trên. Và như thế là rất hợp với các lẽ khác.

4) “Gió lọt song đào”: “Đêm thu gió lọt song đào/ Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời”. Đọc câu thơ ấy và ngẫm nghĩ, ta thấy rằng cô Kiều khi ngồi trong phòng thì gió thổi qua cửa sổ, mà nhìn ra

thì trên trời có nửa vầng trăng khuyết và ba sao. Ở trên tôi đã giảng rằng trăng này là trăng gần lặn, vậy ở đằng Tây. Sao Tâm khi nào cũng ở nửa trời Nam. Như thế thì ngồi trong phòng nhìn qua cửa sổ là trông về hướng Tây-Nam. Đó là hướng cửa sổ phòng cô Kiều vậy.

Với lý luận thông thường, với phương pháp khoa học, ta đã khám phá được câu đố *Kiều* về chuyện trinh thám kia: Cô Kiều bị bày cơn quang bắt vào chừng ngày mồng 4 tháng Chín, lúc giờ Tuất, vào phòng cô ở có cửa sổ quay về hướng Tây. Dù ai có trách tôi không ngồi im mà ngắm trăng sao và thưởng thức hai câu thơ vàng ngọc mà lại đưa khoa học làm nhòa thi tứ thì tôi lại nhờ cụ Nguyễn Du đỡ cho lời:

“Rằng quen mất nét đi rồi!

Mà trong lẽ phải có người có ta.

Đều là nghề nghiệp trong nhà,

Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ.

Gọi là trả chút nghĩa người,

Còn vầng trăng bạc, còn lời nguyên xưa”.

Tôi không trích phần giải thích về thiên văn *Tuần trăng tròn khuyết* vì dài quá.

Hơn 70 năm đã trôi qua, ngày nay, nhân dịp Kỷ niệm 200 năm Ngày mất đại thi hào Nguyễn Du, nhà toán học Nguyễn Huy Việt (quê Nghệ An, bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Đại học Lomonosov - Nga, đang sống ở Đức) đã ra mắt cuốn sách mang tên *70 kỷ lục mới phát hiện trong “Truyện Kiều” và một số thông kê* được khảo sát theo thuật toán để tìm một số đặc trưng nghệ thuật của tác phẩm. Đây là

một khám phá mới mẻ và táo bạo. Ở đây, tôi chỉ xin giới thiệu một số dẫn chứng mà Nguyễn Huy Việt cùng Nguyễn Huy Tiêu đã đặt ở chương đầu - “Những con số 2 gắn với cuộc đời nàng Kiều”:

1) Kiều nhiều lần làm thơ, nhưng thơ khắc trên da cây thì có đúng 2 lần, mỗi lần là một bài tứ tuyệt:

“Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần” (99-100).
Và lần thứ 2 là một bài thơ cổ:

“Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi” (131-132).

2) Kiều được nói đến đã làm thơ 11 lần tất cả, song nhận đầu đề do người khác ra cho nàng làm thơ thì chỉ có 2 lần: lần thứ nhất làm 10 bài do Đạm Tiên ra đề:

“Kiều vâng lĩnh ý đề bài
Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm” (205-206).

Và lần thứ hai là bài vịnh *Cái gông* do ông quan tòa ra đề:

“Nàng rằng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường” (1453-1454).

3) Kiều làm gái ở nhà chứa và làm con hầu đều 2 lần:

“Hết nạn nọ đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần” (2667-2668).

4) Kiều đi tu 2 lần: lần thứ nhất ở Quan Âm các trong vườn nhà Hoạn Thư (1913-1922) đến hết thời gian ở tạm Chiêu ân am với Giác Duyên, và lần thứ hai là sau

khi được Giác Duyên vớt lên từ sông Tiền Đường rồi đem về cùng tu hành ở Thảo am.

5) Kiều có 2 biệt danh là Hoa Nô và Trạc Tuyền:

“Hoa Nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị tỳ” (1743-1744).

“Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền” (1921-1922).

Tiếp đến các chương “Lục bát Kiều đồng cốt”, “Số nguyên tố và *Truyện Kiều*” được khảo sát theo thuật toán ma trận. Quả là khó khăn trong việc tiếp nhận đối với đông đảo bạn đọc? Cũng thuộc giới toán học, nhân đây xin ghi thêm chuyện vui trong khu tập thể Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội ở phố Lò Đúc cách đây hơn 20 năm. Nhiều buổi sáng tôi từng chứng kiến Giáo sư Toán học P.H, bạn đồng nghiệp khá hiền lành, cứ mỗi sáng đi làm đều tạt vào phòng cạnh nhà tầng ba của Giáo sư Sử học Phan Đại Doãn, cầm *Truyện Kiều* trên giá sách, bói nhanh một que, rồi vừa đi vừa lẩm nhẩm đọc, đoán... Tuy cùng là bè bạn nhưng tôi không tiện hỏi về hiệu quả ứng nghiệm đến đâu, song cái chính là tôi thấy Giáo sư P.H khá chân thành với *Truyện Kiều* của cụ Nguyễn Du, tựa như một nỗi niềm tâm sự gửi gắm!

Đúng là *Truyện Kiều* đã từ lâu nhập vào trái tim và khối óc của bao người dân đất Việt trong đời sống thường ngày, qua nhiều hình thái sinh hoạt văn hóa. ■